

VAI TRÒ CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NÂNG CAO LỢI THẾ CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN TẮM TÂM

Đại học Tài chính - Marketing

University of Finance - Marketing

Email: nguyentantam@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/05/2026

Ngày sửa bài: 15/06/2026

Ngày duyệt đăng bài: 30/06/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của chiến lược phát triển bền vững trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam theo hướng tiếp cận thực trạng và đề xuất giải pháp. Hiện nay, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp khoảng 37,6% GDP và hơn 86% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tuy nhiên chỉ khoảng 35-40% doanh nghiệp sản xuất xây dựng chiến lược phát triển bền vững một cách bài bản. Việc áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đã giúp nhiều doanh nghiệp tiết giảm từ 10-20% chi phí năng lượng, nâng cao uy tín thương hiệu và gia tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp gồm đẩy mạnh chuyển đổi xanh, đầu tư công nghệ sạch, hoàn thiện quản trị bền vững và tăng cường hỗ trợ chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất trong giai đoạn mới.

Từ khóa: chiến lược phát triển bền vững, lợi thế cạnh tranh, doanh nghiệp sản xuất, chuyển đổi xanh.

The role of sustainable development strategies in enhancing the competitive advantage of manufacturing enterprises in Vietnam

Abstract:

This study analyzes the role of sustainable development strategies in enhancing the competitive advantage of manufacturing enterprises in Vietnam by assessing the current situation and proposing relevant solutions. The industrial and construction sectors currently contribute approximately 37.6% of GDP and more than 86% of the country's export turnover; however, only about 35 - 40% of manufacturing enterprises have developed systematic sustainable development strategies. The adoption of environmental, social, and governance standards has enabled many enterprises to reduce energy costs by 10 - 20%, strengthen brand reputation, and improve their ability to participate in global supply chains. Based on these findings, the study proposes solutions including accelerating green transformation, investing in clean technologies, improving sustainable governance, and strengthening policy support to enhance the competitiveness of manufacturing enterprises in the new development period.

Keywords: sustainable development strategy, competitive advantage, manufacturing enterprises, green transformation.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi xanh, phát triển bền vững đã trở thành định hướng chiến lược quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất nhằm duy trì năng lực cạnh tranh và đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế. Các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị (ESG), cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của Liên minh châu Âu (CBAM) và các quy định về báo cáo phát triển bền vững đang tạo ra áp lực lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Chính phủ Việt Nam, chuyển đổi xanh và giảm phát thải đã trở thành lựa chọn chiến lược nhằm thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 (Hà Văn, 2026).

Về thực tiễn, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, với GDP năm 2025 đạt khoảng 8,02% và khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng góp trên 37% GDP cả nước. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu, với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 vượt 400 tỷ USD, khẳng định vai trò động lực của khu vực sản xuất đối với tăng trưởng kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp sản xuất vẫn đang đối mặt với những hạn chế về công nghệ xanh, hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lực quản trị phát triển bền vững.

Trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu giảm 43,5% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030 và đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, việc nghiên cứu vai trò của chiến lược phát triển bền vững trong nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng năng lực đổi mới sáng tạo và tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Thu thập các báo cáo, số liệu thống kê, văn bản chính sách và tài liệu liên quan đến phát triển bền vững, ESG, tăng trưởng xanh và hoạt động của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam từ các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức quốc tế, hiệp hội ngành nghề và các báo cáo thường niên của doanh nghiệp đến năm 2026.

Phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu: Tổng hợp các nghiên cứu trong và ngoài nước về chiến lược phát triển bền vững, lợi thế cạnh tranh và xu hướng chuyển đổi xanh trong doanh nghiệp nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho nghiên cứu.

Phương pháp phân tích và so sánh: Phân tích thực trạng triển khai chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp sản xuất Việt Nam, đồng thời so sánh với các yêu cầu của thị trường quốc tế và xu hướng phát triển bền vững trên thế giới để nhận diện những cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng phát triển của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, khu vực sản xuất tiếp tục khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2025, GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 8,02%, cao nhất trong giai đoạn 2020-2025, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% và đóng góp khoảng 43,62% vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Riêng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, tiếp tục duy trì vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng của khu vực công nghiệp (Tổng cục Thống kê, 2026).

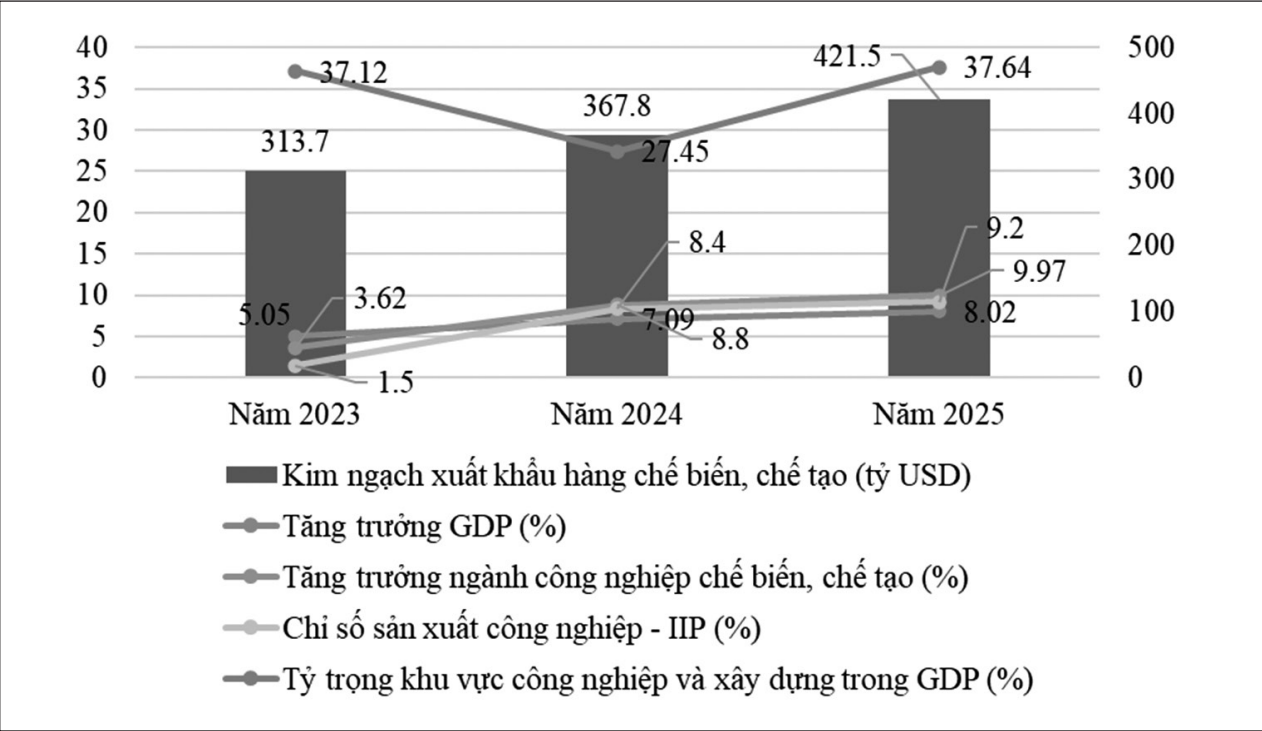
Bảng 1. Một số chỉ tiêu phát triển của khu vực sản xuất Việt Nam giai đoạn 2023-2025

Chỉ tiêu	2023	2024	2025
Tăng trưởng GDP (%)	5,05	7,09	8,02
Tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (%)	3,62	8,80	9,97
Chỉ số sản xuất công nghiệp - IIP (%)	1,50	8,40	9,20
Kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến, chế tạo (tỷ USD)	313,7	367,8	421,5
Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng trong GDP (%)	37,12	37,45	37,64

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2024, 2025, 2026)

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, khu vực sản xuất Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Phần lớn doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ và vừa, chiếm trên 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, trong khi trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Bên cạnh đó, yêu cầu về giảm phát thải carbon, sử dụng năng lượng tái tạo và đáp ứng các tiêu chuẩn ESG từ các thị trường xuất khẩu lớn đang tạo ra áp lực chuyển đổi mạnh mẽ đối với doanh nghiệp sản xuất.

Biểu đồ 1. Chỉ tiêu phát triển của khu vực sản xuất Việt Nam giai đoạn 2023-2025



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2024, 2025, 2026)

Từ Biểu đồ 1, cho thấy khu vực sản xuất của Việt Nam đang duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực và ngày càng khẳng định vai trò là động lực của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng từ 5,05% năm 2023 lên 7,09% năm 2024 và đạt 8,02% vào năm 2025, phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế

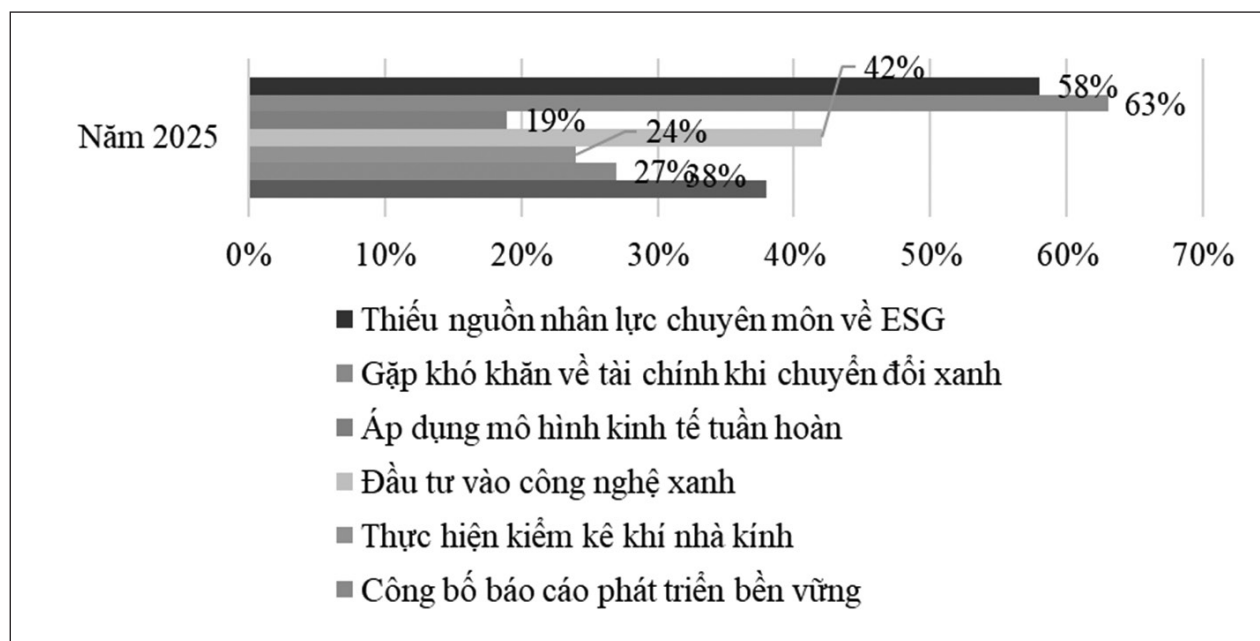
sau giai đoạn khó khăn của thương mại toàn cầu. Đáng chú ý, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ghi nhận mức tăng trưởng từ 3,62% năm 2023 lên 9,97% năm 2025, tương đương mức tăng gần 2,8 lần sau 3 năm. Điều này cho thấy khu vực chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò là động lực tăng trưởng chủ yếu của ngành công nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng từ 1,50% lên 9,20%, phản ánh sự cải thiện đáng kể về năng lực sản xuất và mức độ phục hồi của các doanh nghiệp. Kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến, chế tạo cũng tăng mạnh từ 313,7 tỷ USD năm 2023 lên 421,5 tỷ USD năm 2025, tăng khoảng 34,4%, khẳng định vị thế ngày càng quan trọng của khu vực sản xuất trong hoạt động xuất khẩu. Tỷ trọng của khu vực công nghiệp và xây dựng trong GDP duy trì ở mức trên 37%, cho thấy cơ cấu kinh tế Việt Nam đang tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và tạo nền tảng thuận lợi để doanh nghiệp triển khai các chiến lược phát triển bền vững nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

3.2. Thực trạng triển khai chiến lược phát triển bền vững tại các doanh nghiệp sản xuất Việt Nam

Nhận thức về phát triển bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu tích hợp các mục tiêu về môi trường, xã hội và quản trị vào chiến lược phát triển dài hạn. Tuy nhiên, mức độ triển khai giữa các doanh nghiệp còn chưa đồng đều. Kết quả cho thấy, số lượng doanh nghiệp áp dụng chiến lược phát triển bền vững vẫn còn ở mức khiêm tốn. Phần lớn doanh nghiệp mới chỉ thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường và trách nhiệm xã hội ở mức độ tự phát hoặc nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tác quốc tế.

Biểu đồ 2. Tình hình triển khai chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam năm 2025



Nguồn: VCCI (2025); PwC Việt Nam (2025).

Số liệu tại Biểu đồ 2 phản ánh quá trình triển khai chiến lược phát triển bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số hạn chế. Chỉ có 38% doanh nghiệp đã xây dựng chiến lược ESG, cho thấy phần lớn doanh nghiệp vẫn chưa tích hợp đầy đủ các mục tiêu môi trường, xã hội và quản trị vào chiến lược phát triển dài hạn. Ở chiều hướng tích cực, có 42% doanh nghiệp đã đầu tư vào công nghệ xanh, phản ánh xu hướng gia tăng nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi xanh trong nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường. Tuy

nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn chỉ đạt 19%, cho thấy việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất bền vững vẫn đang ở giai đoạn đầu và chưa được triển khai rộng rãi.

Đáng chú ý, có tới 63% doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính trong quá trình chuyển đổi xanh và 58% doanh nghiệp thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về ESG. Đây là hai rào cản lớn nhất làm chậm quá trình triển khai chiến lược phát triển bền vững tại Việt Nam. Những kết quả này cho thấy, mặc dù nhận thức về phát triển bền vững đã được cải thiện đáng kể, song doanh nghiệp Việt Nam vẫn cần sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn từ Nhà nước, các tổ chức tài chính và các chương trình đào tạo nguồn nhân lực để thúc đẩy quá trình chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

3.3. Vai trò của chiến lược phát triển bền vững trong nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất

Chiến lược phát triển bền vững không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn tạo ra nhiều lợi thế cạnh tranh quan trọng. Việc đầu tư vào công nghệ sạch và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường. (Bảng 2)

Bảng 2. Tác động của chiến lược phát triển bền vững đối với hoạt động của doanh nghiệp sản xuất

Chỉ tiêu	Mức cải thiện
Giảm chi phí năng lượng	10-20%
Giảm chi phí xử lý chất thải	8-15%
Giảm lượng phát thải CO ₂	15-30%
Tăng năng suất lao động	8-12%
Tăng doanh thu từ thị trường xuất khẩu	12-20%
Tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh	20-25%
Cải thiện uy tín thương hiệu	Cao

Nguồn: World Bank (2025); PwC Việt Nam (2025).

Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp áp dụng chiến lược phát triển bền vững thường có khả năng thích ứng tốt hơn với các biến động của thị trường, nâng cao mức độ tin cậy đối với khách hàng và nhà đầu tư, đồng thời tăng khả năng tiếp cận các chuỗi cung ứng toàn cầu. Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu trong lĩnh vực dệt may, điện tử và chế biến thực phẩm đã coi chiến lược ESG là điều kiện tiên quyết để duy trì thị phần tại các thị trường châu Âu và Bắc Mỹ.

3.4. Thảo luận và hàm ý chính sách

Những kết quả phân tích cho thấy chiến lược phát triển bền vững đã trở thành một nhân tố quan trọng quyết định năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng chú trọng đến tăng trưởng xanh, việc chậm triển khai các hoạt động phát triển bền vững sẽ làm gia tăng nguy cơ mất thị trường, giảm khả năng tiếp cận nguồn vốn và hạn chế cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Để nâng cao lợi thế cạnh tranh thông qua chiến lược phát triển bền vững, cần tập trung vào một số định hướng chính. Thứ nhất, doanh nghiệp cần tích hợp các mục tiêu ESG vào chiến lược kinh doanh dài hạn

thay vì chỉ thực hiện các hoạt động mang tính tuân thủ. Thứ hai, cần đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tái tạo và phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Thứ ba, doanh nghiệp cần tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về quản trị phát triển bền vững, xây dựng hệ thống đo lường và công bố thông tin ESG theo chuẩn mực quốc tế. Thứ tư, Nhà nước cần hoàn thiện khung pháp lý về tài chính xanh, tín dụng xanh và cơ chế ưu đãi thuế để hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi xanh.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ vai trò của chiến lược phát triển bền vững trong việc nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi xanh và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết quả phân tích cho thấy, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục giữ vai trò là động lực tăng trưởng của nền kinh tế khi đóng góp khoảng 37,64% GDP cả nước vào năm 2025, trong khi ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng trưởng 9,97% và kim ngạch xuất khẩu hàng chế biến, chế tạo đạt khoảng 421,5 tỷ USD. Những kết quả này khẳng định vai trò quan trọng của khu vực sản xuất đối với tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định phát triển bền vững không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là một chiến lược cạnh tranh dài hạn của doanh nghiệp sản xuất Việt Nam. Để nâng cao năng lực cạnh tranh trong giai đoạn tới, các doanh nghiệp cần chủ động tích hợp các mục tiêu ESG vào chiến lược kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công nghệ sạch, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường đổi mới sáng tạo. Đồng thời, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các cơ chế hỗ trợ về tài chính xanh, tín dụng xanh và chính sách khuyến khích chuyển đổi xanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện chiến lược phát triển bền vững và phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2024). Phát triển bền vững năm 2024: Tiên phong chuyển đổi kép vì một Việt Nam xanh hơn. <https://www.mpi.gov.vn>.
- Hà Văn. (2026). Phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 là sứ mệnh và cam kết hành động của Việt Nam. Báo Chính phủ <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-phat-thai-rong-bang-0-vao-nam-2050-la-su-menh-va-cam-ket-hanh-dong-cua-viet-nam-102260114182136397.htm>.
- Cục Biến đổi khí hậu. (2025). Hiện thực hóa cam kết COP26: Việt Nam hành động vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. <https://dcc.mae.gov.vn/hien-thuc-hoa-cam-ket-cop26-viet-nam-hanh-dong-vi-muc-tieu-phat-thai-rong-bang-0-3744.htm>
- PwC Việt Nam. (2025). ESG and sustainability in Vietnam: Business readiness report. PwC Việt Nam.
- Tổng cục Thống kê. (2024). Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024. Nhà Xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2025). Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024. Nhà Xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2026). Tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025. Nhà Xuất bản Thống kê.
- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. (2025). Việt Nam với định hướng chiến lược đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. <https://khoamoitruongdothi.neu.edu.vn/vi/tin-tuc-1604/viet-nam-voi-dinh-huong-chien-luoc-dat-phat-thai-rong-bang-0-vao-nam-2050>.
- Vietnam Chamber of Commerce and Industry. (2025). Báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp Việt Nam năm 2025. VCCI.
- World Bank. (2025). Vietnam Economic Update: Taking Stock - Making Growth Greener. Washington, DC: World Bank.